TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2020/LĐ-PT Ngày: 24 - 8- 2020 V/v: Tranh chấp thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm, trợ cấp thôi việc	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Bà Vũ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên

Ngày 17 và 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2020/TLPT-LĐ ngày 13/01/2020 về việc "Tranh chấp thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm, trợ cấp thôi việc"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/LĐ – ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2020/QĐXX-PT ngày 02/6/2020

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Kim H- Sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số 41B, khu N, phường N, thành phố N, tỉnh N. (Nay là số nhà 28C/88 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh N).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Kim H:

- Bà Đoàn Thị Thu H (Vợ ông H), sinh năm 1963 (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020).

Địa chỉ cư trú: Số 41B, khu N, phường N, thành phố N, tỉnh N. (Nay là số nhà 28C/88 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh N).

- Bà Lê Thúy H, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: Số nhà 7, lô BD1, khu đô thị P, quận A, thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Kim H: Ông Trần Xuân T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đ - Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Công trình đô thị N.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường Q, phường Q, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt D - Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (theo văn bản ủy quyền ngày 12-03-2020).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố N(Đã sáp nhập vào Bảo hiểm xã hội tỉnh N)

Địa chỉ trụ sở: Số 126 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T- Chức vụ: Trưởng phòng quản lý thu (theo văn bản ủy quyền ngày 17-6-2020).

4. Người kháng cáo: Ông Vũ Kim H là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt ông H, bà H, ông T, ông Trần Việt D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 10-12-2018, tại bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai ngày 02-4-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là Ông Vũ Kim H trình bầy: Tháng 9-1982 ông tham gia nhập ngũ, đến tháng 12-1986 xuất ngũ theo quyết định 343 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh H. Ngày 02-01-1987 UBND thành phố N có Quyết định số 75/QĐ-UB điều động ông về nhận công tác tại Công ty Công trình đô thị N (nay là Công ty cổ phần Công trình đô thị N. Trước khi xuất ngũ, các chế độ khi ông đi học và công tác trong quân đội từ trước tháng 01-1987 đã được hưởng đầy đủ.

Trong Quyết định điều động của UBND thành phố N ghi rõ công việc của ông là công nhân kỹ thuật ở đội duy tu đường thành phố N, lương khởi điểm bậc 3. Ông đã làm việc tại tổ duy tu đường do bà G làm tổ trưởng và là người trực tiếp điều hành, phân công công việc, chấm công, bình bầu thi đua và chuyển lên cho bà T là đội trưởng xác nhận. Hàng tháng ông đến Phòng Tài vụ của Công ty để trực tiếp lĩnh lương cho đến khoảng tháng 5 hoặc tháng 6 năm 1995. Tháng 3-1995 ông kê khai bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, tháng 9-1996 Công ty cho ông kê khai lại bảo hiểm xã hội nhưng đến nay ông cũng không được hưởng lương và quyền lợi bảo hiểm gì.

Từ tháng 6-1995 đến năm 2000 ông lĩnh lương theo ngày công làm việc.

Cuối năm 2000 đến đầu năm 2001 ông đi làm đúc đổ bê tông, lắp đặt cống cho ông K và ông U. Năm 2001 Công ty chia tách thành Công ty cổ phần Công trình đô thị N và Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N thì ông vẫn là người thuộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N, vẫn cùng làm với bà G nhưng bà G không còn quản lý, điều hành, giao việc cho ông.

Năm 2001 đến năm 2006 nhiều lần ông đến Công ty gặp bà N và ông D ở Phòng tổ chức xin rút hồ sơ để giải quyết chế độ thì được trả lời Công ty không lưu giữ hồ sơ của ông. Ông cho rằng khi về Công ty công tác ông cũng không được cầm hồ sơ, không trực tiếp nộp hồ sơ. Hồ sơ gốc của ông gồm có Quyết định tiếp nhận ngày 22-8-1986 của UBND tỉnh H; Quyết định số 343-ĐKZ/2 ngày 24-12-1986 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh H; Lý lịch quân nhân do Trung đoàn 462F338 cấp; Giấy chứng nhận huy chương do F462 cấp và Giấy chứng nhận huân chương do F338 cấp; Quyết định tiếp nhận và điều động ngày 02-01-1987 của UBND thành phố N; Phiếu thôi trả lương thực trong quân đội. Ông khẳng định Công ty đánh mất thì Công ty phải có trách nhiệm khôi phục trả lại cho ông. Ông H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Công trình đô thị N các vấn đề sau:

- Bố trí việc làm.

- Thanh toán các quyền lợi trong thời gian nghỉ việc, gồm chế độ lương từ tháng 01-1995 cho đến khi có quyết định thôi việc và chế độ bảo hiểm xã hội cho đến khi có quyết định thôi việc. Tổng số tiền là 1.074.360.030 đồng.

- Công ty phải trả hồ sơ gốc cho ông.

2. Tại công văn số 17/CV-CTĐT ngày 13-3-2019, công văn số 102/CV-CTĐT ngày 02-10-2019, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13-11-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là Công ty cổ phần Công trình đô thị N trình bầy: Công ty Công trình đô thị N (nay là Công ty cổ phần Công trình đô thị N) đã qua 04 đời giám đốc và 03 lần chia tách, chuyển đổi mô hình kinh doanh. Năm 2001 Công ty thực hiện chia tách bộ phận xây dựng thuộc Công ty thành 02 Công ty gồm Công ty cổ phần Công trình đô thị N và Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N theo quyết định số 1640/2001/QĐ-UB ngày 10-8-2001 của UBND tỉnh N.

Công ty không có căn cứ nào khẳng định việc Ông Vũ Kim H được điều động về làm việc Công ty, thuộc bộ phận nào, do ai phụ trách. Ông H cung cấp Quyết định số 75/QĐ-UB ngày 02-01-1987 của UBND thành phố N thể hiện

được điều động về công tác tại Công ty cổ phần Công trình đô thị từ ngày 10-01-1987. Tại thời điểm chia tách Công ty cũng không quản lý hồ sơ của ông Vũ Kim H. Tại các căn cứ và tài liệu của Tòa án nhân dân thành phố N thu thập và tài liệu do Công ty cung cấp thì Ông Vũ Kim H có tên trong danh sách Biểu chuyển đổi lương cũ sang mới theo Nghị định 26 và thông tư 12 của công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh tại Công ty năm 1993 và có tên tại danh sách những người đương nhiệm trực tiếp sản xuất kinh doanh theo Nghị định 05 và thông tư 05 tại Công ty năm 1994. Còn những năm sau đó Công ty không thu thập được bất cứ thông tin nào về ông Vũ Kim H. Theo tìm hiểu của Công ty thì ông H đã tự ý bỏ việc từ năm 1995. Theo tài liệu thu thập của Toà án do Sở Lao động Thương binh - Xã hội tỉnh N phúc đáp thì Ông Vũ Kim H thuộc trường hợp tự ý nghỉ việc, tự ý thôi việc, bỏ việc. Công ty đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Kim H.

3. Tại công văn số 359/BHXH-TP ngày 28-8-2019, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 28-8-2019, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố N trình bầy: Ông Vũ Kim H làm đơn kiện Công ty cổ phần Công trình đô thị N về việc Công ty không bố trí việc làm, trả lương. Về phía Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố N sau khi xem xét tờ khai, danh sách bảo hiểm của Công ty cổ phần Công trình đô thị N chuyển sang năm 1995 và qua rà soát hồ sơ tại Bảo hiểm xã hội thành phố N thì không có tên ông H tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Như vậy quyền lợi bảo hiểm của ông H là không có vì người lao động và chủ sử dụng lao động không tham gia đóng bảo hiểm.

4. Tại các biên bản lấy lời khai những người làm chứng ngày 22-5-2019 đối với bà Lê Thị G, ngày 22-5-2019 đối với ông Trần Văn U, ngày 22-5-2019 đối với bà Phạm Thị T, ngày 23-8-2019 đối với bà Trần Thị N, ngày 23-8-2019 đối với bà Nguyễn Thị T, ngày 23-8-2019 đối với bà Phạm Thị N, ngày 23-8-2019 đối với ông Vũ Trọng K, ngày 06-9-2019 đối với bà Bùi Thị C, ngày 08-10-2019 đối với bà Lê Thị Đ, đơn đề nghị ngày 10-10-2019 của bà Nguyễn Thị H trình bầy và xác nhận ông H có thời gian làm việc với các ông bà từ năm 1987.

Ông K trình bầy: Ông là người có quan hệ họ hàng và trực tiếp xin ông H về công tác tại Công ty Công trình đô thị N và ông H trực tiếp làm việc tại tổ làm mới đường thuộc đội duy tu đường do bà G làm tổ trưởng, bà T làm đội trưởng. Ông H làm việc đến khi nào và nghỉ theo hình thức nào thì ông không biết, việc này bà G

và bà T nắm rõ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H theo quy định của pháp luật.

Bà G trình bầy: Ông H về làm việc tại tổ làm mới đường thuộc đội duy tu đường do bà làm tổ trưởng và bà Phạm Thị T làm đội trưởng. Hàng tháng bà trực tiếp chấm công hàng ngày cho ông H, bình bầu thi đua trong tổ sau đó bà T duyệt gửi về bộ phận kế toán Công ty, còn lương của ông H là do Công ty cổ phần Công trình đô thị chi trả và ông H trực tiếp lĩnh chế độ tại bộ phận kế toán. Năm 2001 Công ty chia tách thì bà xin chuyển sang Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N công tác. Lúc chia tách Công ty vào năm 2001 thì ông H đã tự ý bỏ việc từ trước năm 1995 để ra ngoài làm, còn ông H làm việc ở đâu sau khi bỏ việc thì bà không nắm được. Năm 1995 khi lập danh sách bảo hiểm xã hội cho ông H thì ông H đã tự ý nghỉ việc ra làm ngoài nên không được đóng bảo hiểm xã hội. Nay ông H khởi kiện Công ty đòi quyền lợi theo bà là không có căn cứ.

Bà T trình bầy: Ông H là bộ đội chuyển ngành, khoảng năm 1987 được điều động về làm việc tại tổ duy tu đường của Công ty cổ phần Công trình đô thị N. Bà G là tổ trưởng trực tiếp quản lý, chấm công sau đó chuyển cho bà là đội trưởng xác nhận. Hàng tháng ông H trực tiếp lên bộ phận kế toán của Công ty để lĩnh chế độ. Ông H làm việc đến khoảng năm 1991 thì tự ý bỏ công việc ở Công ty ra ngoài làm. Nay ông H khởi kiện Công ty để đòi quyền lợi theo bà là không có căn cứ.

Bà N, bà T, bà N, bà C, bà Đ trình bầy: Các bà chỉ biết ông H là bộ đội chuyển ngành về Công ty cổ phần Công trình đô thị N, làm cùng tại tổ duy tu đường do bà G làm tổ trưởng và bà T làm đội trưởng. Bà G trực tiếp chấm công, bà T duyệt gửi về bộ phận kế toán Công ty. Chế độ lương của ông H do Công ty chi trả. Ông H về làm việc Công ty từ thời gian nào cho đến thời gian nào, ông H bị Công ty cho nghỉ hay tự bỏ việc ra ngoài làm thì các bà không nắm được. Các bà không có ý kiến gì về việc ông H khởi kiện Công ty và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà H trình bầy: Bà chuyển công tác về Công ty cổ phần Công trình đô thị được một thời gian thì ông H về làm cùng tại tổ duy tu đường. Năm 2002 bà nghỉ hưu thì ông H không còn làm ở tổ duy tu đường nữa, vì thời gian đó ít việc nên ông H chuyển sang làm cho ông U là cán bộ thi công của Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N. Sau này ông H nghỉ việc vì lý do gì thì bà không biết.

Ông U trình bầy: Ông công tác tại bộ phận xây dựng Công ty cổ phần Công trình đô thị N từ năm 1983 đến năm 2001 Công ty chia tách thì ông chuyển sang

Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N. Ông không có thời gian nào làm việc cùng với ông H, thực tế ông H có làm việc tại Công ty cổ phần Công trình đô thị hay không thì ông không biết. Năm 2001 Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N giao khoán cho ông thi công công trình tại đường Nguyễn Văn T (K). Qua giới thiệu, ông có thuê khoán ông H làm trong khoảng ba tháng theo thoả thuận từng hạng mục công việc và thanh toán bằng nguồn tiền riêng của ông sau khi ông H kết thúc công việc. Việc ông H khởi kiện Công ty thì ông có ý kiến như sau: thứ nhất ông không có thời gian làm việc hoặc phụ trách công việc của ông H; thứ hai việc ông thuê khoán ông H không liên quan đến Công ty cổ phần Công trình đô thị N và Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 03/219/LĐ – ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định.

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 29, Khoản 3 Điều 36, Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 25, Điều 26, Điều 28 Nghị định số 12/CP ngày 26-01-1995 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ bảo hiểm xã hội; Điều 32, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm e Khoản 1 Điều 217, Khoản 2 Điều 244, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ Kim H đối với Công ty quản lý Công trình đô thị N (Nay là Công ty cổ phần Công trình đô thị N).

- Xác nhận Ông Vũ Kim H có thời gian làm việc tại Công ty cổ phần Công trình đô thị N từ ngày 10-01-1987 đến hết ngày 31-12-1995.

- Xác nhận Ông Vũ Kim H có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9-1982 đến hết tháng 12-1995.

- Buộc Bảo hiểm xã hội thành phố N thanh toán một lần tiền bảo hiểm xã hội cho Ông Vũ Kim H với thời gian được hưởng bảo hiểm xã hội là 13 năm 4 tháng, tương ứng với số tiền là 59.345.000 đồng (năm chín triệu ba trăm bốn lăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N thanh toán trợ cấp thôi việc cho Ông Vũ Kim H với thời gian được hưởng 9 năm, tương ứng với số tiền là 20.034.000 đồng (hai mươi triệu không trăm ba tư nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của Ông Vũ Kim H buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N trả lại hồ sơ làm việc gốc của ông.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu không nhận ông H trở lại Công ty làm việc.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Trả lại Ông Vũ Kim H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000379 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Công ty cổ phần Công trình đô thị N phải nộp án phí không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

* Ngày 10/12/2019 Ông Vũ Kim H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấ đề sau:

- Công ty cổ phần Công trình đô thị N phải thanh toán mọi chế độ bảo hiểm cho ông kể từ năm 1982 đến khi có quyết định thôi việc của UBND thành phố N.

- Công ty phải trả tiền lương cho ông từ tháng 1 năm 1995 đến khi có quyết định thôi việc.

- Công ty phải bồi thường tổ thất về danh dự, tinh thần, tổn hại về sức khỏe, vật chất mà công ty trực tiếp, gián tiếp gây nên

- Công ty phải trả lại hồ sơ gốc cho ông.

* Ngày 11/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm về việc tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và tính án phí lao động theo giá ngạch.

* Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu như đã nêu trên.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo là hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Ngoài ra nguyên đơn nộp bổ sung tài liệu là bản phô tô (Không có công chứng chứng thực) thể hiện quá trình nộp bảo hiểm của Ông Vũ Kim H từ tháng 01 năm 1987 đến tháng 5 năm 2008.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông H có quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc lấy lời khai của người làm chứng. Cụ thể vi phạm Khoản 2 Điều 98, Khoản 9 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; vi phạm về thẩm quyền lấy lời khai, thủ tục lấy lời khai và có dấu hiệu cố ý làm sai lệch hồ sơ, chứng cứ của vụ án.

+ Về nội dung: Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Cụ thể là xác định sai quá trình, thời gian làm việc của ông H tại Công ty cổ phần Công trình đô thị N; quyền lợi chế độ bảo hiểm, trợ cấp thôi việc của ông H chưa bảo đảm, chưa đầy đủ.

+ Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của ông H về việc Công ty cổ phần Công trình đô thị N trả hồ sơ gốc là chưa làm hết trách nhiệm, chưa bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

+ Từ những luận cứ nêu trên Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H, nếu không chấp nhận thì hủy án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Vũ Kim H và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định. Căn cứ Khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/LĐ – ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị Nhỗ trợ cho Ông Vũ Kim H số tiền từ 30 đến 50 triệu đồng.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N phải nộp án phí dân sự theo giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Kim H, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố N đã có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xử vắng mặt họ.

Về quan điểm của luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo Khoản 2 Điều 98 và Khoản 9 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo hủy án sơ thẩm của nguyên đơn là không được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ lao động: Theo quyết định số 75/QĐ-UB ngày 02-01-1987 của UBND thành phố N thì Ông Vũ Kim H được tiếp nhận và điều động về công tác tại Công ty cổ phần Công trình đô thị N từ ngày 10-01-1987, là công nhân kỹ thuật trực tiếp làm việc tại đội duy tu đường, lương khởi điểm bậc 3. Lời khai của những người làm chứng đều khẳng định có thời gian làm việc trực tiếp cùng với

ông H tại đội duy tu đường thuộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N từ năm 1987. Theo giấy chứng nhận số 43/GCN-PTM ngày 14-10-2014 của Phòng Tham mưu – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định thì bản thân ông H là bộ đội xuất ngũ được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh H cho xuất ngũ theo quyết định số 343 ngày 24-12-1986 về làm việc tại Công ty quản lý Công trình đô thị là một doanh nghiệp hoạt động công ích. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 29 của Bộ luật Lao động năm 1994 xác định giữa ông H và Công ty cổ phần Công trình đô thị N đã xác lập hợp đồng lao động không xác định thời hạn kể từ ngày 10-01-1987 là ngày ông H về Công ty cổ phần Công trình đô thị N làm việc.

[2.2] Quá trình làm việc của ông H: Từ ngày 10-01-1987 ông H về làm việc tại tổ duy tu đường của Công ty cổ phần Công trình đô thị N là thời điểm bắt đầu làm việc của ông H. Ông H trình bầy từ năm 1996 do Công ty không có việc nên năm 2001 ông đi làm cho ông U và ông K sau đó lại về Công ty chờ việc. Ông H cũng xác nhận khi đi làm cho ông U và ông K cũng không báo cáo với lãnh đạo Công ty. Mặt khác người làm chứng là ông U xác nhận năm 2001 ông chuyển sang công tác tại Công ty cổ phần Xây dựng đô thị N có thuê khoán ông H làm việc đúc đổ bê tông nhưng không liên quan và cũng không biết ông H có làm việc tại tổ duy tu đường Công ty cổ phần Công trình đô thị. Lời khai làm chứng của bà G là tổ trưởng trực tiếp quản lý, chấm công, bình bầu thi đua cũng xác nhận ông H đã tự ý bỏ việc tại Công ty từ năm 1995 là có cơ sở phù hợp với tài liệu được Công ty cung cấp xác nhận như ông H chỉ có tên trong danh sách biểu chuyển đổi lương cũ sang mới theo Nghị định 26 và thông tư 12 của công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh tại Công ty và việc tìm hiểu thời gian ông H nghỉ việc của Công ty. Do đó, chỉ có cơ sở để chấp nhận ông H có thời gian công tác tại Công ty cổ phần Công trình đô thị từ năm 1987 đến hết năm 1995.

[2.3] Về chế độ bảo hiểm của ông H: Ông H là bộ đội xuất ngũ từ tháng 9-1986 và được điều động về làm việc tại Công ty cổ phần đô thị Công trình N từ ngày 10-01-1987 và được xác định có thời gian làm việc tại tổ duy tu đường đến tháng 12-1995. Theo quy định tại Điều 3 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/1995/NĐ-CP ngày 26-1-1995 của Chính Phủ, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11-11-2015 của Chính Phủ, Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10-5-2016 của Chính phủ thì trường hợp hợp đồng lao động của ông H thuộc đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội.

Theo quy định tại Điều 25, 26 của Nghị định số 12/CP ngày 26-01-1995 của Chính phủ thì thời gian công tác của ông H không đủ điều kiện để được hưởng chế độ hưu trí. Vì vậy, ông H sẽ được hưởng chế độ bảo hiểm một lần theo quy định tại Điều 28 của của Nghị định số 12/CP ngày 26-01-1995 của Chính phủ. Ông H là đối tượng xuất ngũ chuyển ngành nên thời gian trong quân ngũ cũng được tính vào thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Do đó thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông H được tính từ tháng 9-1982 đến hết tháng 12-1995. Mức tính hưởng bảo hiểm xã hội được tính theo mức lương tối thiểu hiện tại theo vùng 2 đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố N. Ông H là công nhân làm đường nên còn được hưởng phụ cấp độc hại và lưu động. Cụ thể: 13 năm 4 tháng (160 tháng) x (3.710.000 đồng + 10% độc hại + 10% lưu động) = 59.345.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm bốn lăm nghìn đồng).

Về tài liệu do nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm là tài liệu phô tô không có công chứng chứng thực nên không được chấp nhận. Mặt khác căn cứ vào công văn số 1389 ngày 17/8/2020 và công văn số 1949 ngày 20/8/2020 của Bảo hiểm xã hội tỉnh N thì không có căn cứ xác định Ông Vũ Kim H đóng bảo hiểm đến tháng 5 năm 2008 như tài liệu do nguyên đơn cung cấp.

[2.4] Về giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc đối với ông H: Năm 1995 ông H tự ý bỏ việc nhưng Công ty không ra quyết định sa thải, ông H cũng không có ý kiến gì. Đến ngày 20-12-2012 Công ty nhận đơn đề nghị xin làm thủ tục nghỉ hưu của ông H nhưng vẫn không giải quyết. Mặt khác Công ty cũng không có thông báo bằng văn bản hay quyết định nào đối với ông H nhưng ông H cũng không có ý kiến. Theo Khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 1994 xác định hợp đồng lao động chấm dứt thuộc trường hợp hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Ông H có thời gian làm việc thường xuyên tại Công ty trên một năm. Căn cứ Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 1994 thì Công ty cổ phần đô thị N có trách nhiệm trợ cấp thôi việc một lần cho ông H theo mức cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương tương ứng với thời gian từ tháng 01-1987 đến tháng 12-1995 của mức lương tối thiểu hiện tại theo vùng 2 đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố N. Ông H là công nhân làm đường nên còn được hưởng phụ cấp độc hại và lưu động. Cụ thể: 9 năm (108) tháng x (3.710.000 đồng + 10% độc hại + 10% lưu động) : 2 = 20.034.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm ba tư nghìn đồng).

[2.5] Về yêu cầu trả hồ sơ gốc cho ông H: Ông H khai hồ sơ làm việc của ông gồm các tài liệu như đã nêu ở phần trên nhưng cũng không đưa ra được tài

liệu chứng cứ để chứng minh Công ty quản lý hồ sơ của ông H gồm những tài liệu gì. Công ty cũng không giải trình được lý do không còn lưu trữ hồ sơ của ông H. Theo nguyện vọng của ông H, Công ty đã trực tiếp cùng ông tìm nhưng cũng không có hồ sơ của ông H và Công ty đã xác nhận không lưu trữ tại Công ty. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố N cũng không tìm được hồ sơ lưu trữ của ông H. Bảo hiểm xã hội thành phố N xác nhận không có tên ông H tham gia bảo hiểm xã hội. Vì vậy, không có khả năng để khắc phục nên không chấp nhận yêu cầu của Ông Vũ Kim H đòi Công ty trả lại hồ sơ gốc của ông.

[2.6] Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông H với thời gian là 9 năm; Bảo hiểm xã hội thành phố N thanh toán quyền lợi bảo hiểm xã hội một lần cho ông H với thời gian là 13 năm 04 tháng là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm ông H không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ gì mới, vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông H là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N hỗ trợ cho Ông Vũ Kim H số tiền từ 30 đến 50 triệu đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và Khoản 3 Điều 24 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án thì kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm, tuyên thêm phần trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và tính án phí lao động sơ thẩm theo giá ngạch.

[3] Về án phí:

- Ông H không phải nộp án phí lao động sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000379 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Thi hành án dân sự thành phố N.

- Ông H phải nộp án phí lao động phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Công ty cổ phần Công trình đô thị phải nộp án phí giá ngạch tài sản theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 03/219/LĐ – ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 29, Khoản 3 Điều 36, Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 25, Điều 26, Điều 28 Nghị định số 12/CP ngày 26-01-1995 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11-11-2015 của Chính Phủ; Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10-5-2016 của Chính phủ; Điều 32, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ Kim H đối với Công ty quản lý Công trình đô thị N (Nay là Công ty cổ phần Công trình đô thị N).

- Xác nhận Ông Vũ Kim H có thời gian làm việc tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Ntừ ngày 10-01-1987 đến hết ngày 31-12-1995.

- Xác nhận Ông Vũ Kim H có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9-1982 đến hết tháng 12-1995.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh N thanh toán một lần tiền bảo hiểm xã hội cho Ông Vũ Kim H với thời gian được hưởng bảo hiểm xã hội là 13 năm 4 tháng, tương ứng với số tiền là 59.345.000 đồng (Năm mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N thanh toán trợ cấp thôi việc cho Ông Vũ Kim H với thời gian được hưởng 09 năm, tương ứng với số tiền là 20.034.000 đồng (Hai mươi triệu, không trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Vũ Kim H buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị N trả lại hồ sơ làm việc gốc của ông.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nhận Ông Vũ Kim H trở lại Công ty làm việc.

4. Án phí:

- Ông Vũ Kim H không phải nộp án phí lao động sơ thẩm, được trả lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000379 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Công ty cổ phần Công trình đô thị N phải nộp án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch là 601.000 đồng (Sáu trăm linh một nghìn đồng).

- Ông Vũ Kim H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí lao động phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002641 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông H đã nộp đủ án phí lao động phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (24/8/2020).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng